

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Số: 05 /2007/NQ - HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 7 năm 2007

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng
quặng sắt, quặng titan trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
giai đoạn 2007-2015, có xét đến năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHOÁ XI, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
Khoáng sản;

Căn cứ Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng Sắt,
quặng Titan trên phạm vi cả nước đến năm 2010, có xét đến năm 2020,

Sau khi xem xét Tờ trình số: 13/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2007 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị thông qua quy hoạch thăm dò, khai
thác, chế biến và sử dụng quặng Sắt, quặng Titan trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
giai đoạn 2007-2015, có xét đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và
Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng
quặng Sắt, quặng Titan trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2007-2015, có
xét đến năm 2020.

(Có phụ lục tóm tắt quy hoạch kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh công bố và tổ chức thực hiện Quy hoạch này.
Trong quá trình thực hiện cần lưu ý một số nội dung sau đây:

- Mọi hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng Sắt, quặng
Titan phải xuất phát từ quy hoạch và các quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc triệt để các giải pháp bảo vệ môi trường từ khâu thẩm định dự án đến việc khai thác, chế biến và sử dụng. Có cam kết, ký, thực hiện quỹ bảo vệ môi trường và thực hiện nghĩa vụ ngân sách Nhà nước.

- Tổ chức đấu thầu rộng rãi và công khai việc thăm dò, khai thác, tận thu, chế biến và sử dụng quặng Sắt, quặng Titan theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý triệt để các hoạt động thăm dò, khai thác, tận thu, chế biến và sử dụng quặng Sắt, quặng Titan trái quy định của pháp luật và nội dung Nghị quyết này.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2007./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tư pháp (Báo cáo);
- Bộ Công nghiệp (Báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Báo cáo);
- TT Tỉnh Ủy (Báo cáo);
- Các đại biểu HĐND tỉnh Thái Nguyên khóa XI;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XII tỉnh Thái Nguyên;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh ;
- Các d/c LĐVP HĐND;
- Các chuyên viên HĐND tỉnh ;
- Báo Thái Nguyên, Công báo tỉnh (để đăng) ;
- Lưu : VP, VT-TH HĐND.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vượng



TÓM TẮT

Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng sắt, quặng titan trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2007-2015, có xét đến năm 2020

*(Kèm theo Nghị quyết số 05/2007/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2007
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên, khoá XI)*

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU CỦA QUY HOẠCH

1. Quan điểm phát triển

a) Quặng sắt và quặng titan là nguồn tài nguyên quan trọng của tỉnh cần được thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng một cách hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả, không gây cạn kiệt tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái và bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội tại các địa bàn có quặng sắt và quặng titan.

b) Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng sắt, quặng titan là cơ sở để lập lại trật tự trong hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật bảo đảm lợi ích của nhà nước, của doanh nghiệp và của nhân dân ở những vùng có quặng sắt, quặng titan.

c) Xây dựng và phát triển công nghiệp khai thác, chế biến và sử dụng quặng sắt, quặng titan với công nghệ hiện đại để nâng cao hệ số thu hồi và giá trị của khoáng sản phù hợp quy hoạch phát triển, đóng góp vào sự nghiệp phát triển bền vững của tỉnh. Nếu trình độ công nghệ chưa giải quyết được một cách hiệu quả thì để lại không khai thác.

d) Ưu tiên, lựa chọn các tổ chức, cá nhân thực sự có năng lực về tài chính, có trình độ công nghệ, nhân lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động khoáng sản đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến sâu quặng sắt, quặng titan trên địa bàn tỉnh trên cơ sở chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về hoạt động khoáng sản, góp phần phát triển KT-XH của địa phương và cả nước. Không cấp giấy phép khai thác cho các dự án không có hiệu quả. Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải đầu tư rộng rãi, công khai theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Mục tiêu phát triển

a) Đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho ngành luyện kim trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch chung của cả nước.

b) Đề xuất giải pháp và bước đi để lập lại trật tự trong hoạt động khoáng sản liên quan đến quặng sắt, quặng titan, nhằm sử dụng, có hiệu quả, không gây lãng phí nguồn tài nguyên khoáng sản của tỉnh.

c) Xác định cụ thể các vùng: thăm dò, khai thác, chế biến, các vùng cấm, hạn chế và đầu tư đối với hoạt động khoáng sản sắt và titan để đảm bảo cho hoạt động khoáng sản sắt và titan thực hiện đúng quy định của pháp luật.

d) Tăng trưởng GTSXCN ngành khai thác quặng sắt giai đoạn 2006-2010: 23,13%/năm; giai đoạn 2011-2020: 6,5%/năm, ngành khai thác quặng titan giai đoạn 2006-2010: 75,54%/năm; giai đoạn 2011-2015: 10,07%/năm; giai đoạn 2016-2020: 6,2%/năm.

II. NỘI DUNG QUI HOẠCH

1. Qui hoạch phân vùng điều tra, thăm dò quặng sắt, quặng titan

1.1. Đối với quặng sắt

1.1.1. Giai đoạn 2007-2010

Các mỏ đưa vào điều tra, thăm dò giai đoạn này là: Bờ Đậu, Sơn Cẩm, Cổ Ngoạ, Cây Hồng, Đồng Vung, Bộc Nhiêu, Núi Ti Anh, Đồng Hỷ, Cuối Nắc, Đồng Luông, Đầm Bằng.

1.1.2. Giai đoạn 2011- 2015

Các mỏ đưa vào điều tra, thăm dò giai đoạn này là: Bình Thành, Đồng Bông, Thanh Chữ, Toàn Thắng, Làng Nét, Thanh Bản, Xóm Đồi, Lâm Giang, Phú Thịnh, Làng Mè, Đồng Dong, La Hiên, Phú Tiến.

1.2. Đối với quặng titan

1.2.1. Giai đoạn 2007 - 2010

Trong giai đoạn này đưa các mỏ sau về điều tra, thăm dò, đánh giá trữ lượng: Mỏ vùng Núi Chúa, Nà Hoe, Hữu Sào (GĐI), Làng Bầu, Cẩm Ước, Làng Cả, Sơn Dầu, Làng Cam, Làng Lân.

1.2.2. Giai đoạn 2011 - 2015

Trong giai đoạn này đưa các mỏ sau vào điều tra, thăm dò, đánh giá trữ lượng: Mỏ Hữu Sào (GĐ II), Hái Hoa, Tôn Dên, Xóm Him.

2. Qui hoạch khai thác quặng sắt, quặng titan

2.1. Đối với quặng sắt

Trên nguyên tắc đảm bảo cung cấp đủ nguyên liệu quặng sắt cho các nhà máy chế biến, không gây cạn kiệt tài nguyên và bảo vệ sinh thái môi trường, để định ra chương trình khai thác quặng sắt trên địa bàn tỉnh qua các giai đoạn;

2.1.1. Khai thác giai đoạn 2007-2010

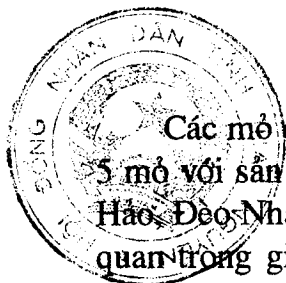
Các mỏ đưa vào khai thác giai đoạn này là: Đại Khai, Cù Vân, Mỏ Hoan, Ký Phú, Đá Liền, Phố Giá, Tương Lai, Ngòi Me, Hoá Trung, Linh Nham, Tiến Bộ, và khu vực Trại Cau.

Sản lượng khai thác của các mỏ: Đại Khai, Mỏ Hoan, Tương Lai, Hoá Trung, Linh Nham ưu tiên cấp cho Công ty Gang thép Thái Nguyên phục vụ giai đoạn II.

2.1.2. Khai thác giai đoạn 2011-2015

Các mỏ quặng sắt kể trên tiếp tục được khai thác theo kế hoạch và đưa tiếp vào khai thác các mỏ sắt đã có kết quả thăm dò, cụ thể giai đoạn này là: Bờ Đậu, Đuổm, Sơn Cẩm, Cổ Ngoạ, Văn Hảo, Đèo Nhâu, Cây Hồng, Đồng Vung, Đồng Hỷ, Tiến Bộ.

2.1.3. Khai thác giai đoạn 2016-2020



Các mỏ quặng sắt kể trên tiếp tục được khai thác theo kế hoạch, trong đó có 5 mỏ với sản lượng 90.000 tấn/năm đã hết (Đồng hỷ, Đồng Vung, Cù Vân, Văn Hảo, Đèo Nhâu) và đưa tiếp vào khai thác các mỏ sắt đã có kết quả thăm dò khả quan trong giai đoạn này là: Bộc Nhiêu, Bình Thành, Núi Tì Anh, Đồng Bông, Thanh Chữ, Toàn Thắng, Cuội Nắc, Làng Nét, Thành Bản, Xóm Đồi, Lâm Giang, Phú Thịnh, Làng Mè, Đồng Dong, La Hiên, Đồng Luông, Phú Tiến, Đầm Bằng, Tiến Bộ.

2.1.4. Các khu vực khai thác tận thu

- “Khai thác tận thu được thực hiện đối với khoáng sản còn lại ở mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ để thanh lý hoặc bãi thải trong khai thác, chế biến của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ”, có thể xem xét cấp giấy phép khai thác tận thu cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

2.2. Đối với quặng titan

2.2.1. Khai thác giai đoạn 2007-2010

- Hiện 3 doanh nghiệp đã được cấp phép khai thác quặng titan ở mỏ Cây Châm có tổng công suất thiết kế là 60.000 tấn tinh quặng ilmenit/năm. Yêu cầu đẩy mạnh sản xuất để có thể đạt 75% công suất thiết kế là 45.000 tấn/năm.

- Cuối năm 2007 công ty TNHHNN một thành viên kim loại màu Thái Nguyên đưa mỏ titan Nà Hoe vào khai thác với công suất dự kiến khoảng 15.000 tấn tinh quặng ilmenit/năm.

- Trường hợp các mỏ trên khai thác không đảm bảo công suất theo dự kiến có thể huy động thêm các mỏ đã thăm dò xong trong giai đoạn này vào khai thác, là các mỏ: Làng bầu, Cẩm ước, Làng cả, Sơn Đầu.

Sản lượng tinh quặng ilmenit toàn tỉnh phấn đấu đạt: 60.000 tấn vào giai đoạn năm 2007-2010, để xuất khẩu tinh quặng ilmenit (2007-2008) và cung cấp nguyên liệu cho sản xuất: bột màu dioxit titan, Xi Titan vào giai đoạn năm 2008-2010.

2.2.2. Khai thác giai đoạn 2011-2015

Các doanh nghiệp trên đã hoàn thành xây dựng và đẩy mạnh khai thác quặng titan tại các mỏ: Cây Châm, Nà Hoe, Hữu sào, Làng bầu, Cẩm ước Làng cả, Sơn đầu, làng cam, Làng lân... Sản lượng tinh quặng ilmenit đạt 128.000 tấn vào năm 2011- 2015 để cung cấp nguyên liệu cho sản xuất: bột màu dioxit Titan, Xi Titan và nhu cầu chế biến trong nước.

2.2.3. Khai thác giai đoạn 2016-2020

- Các doanh nghiệp đẩy mạnh khai thác quặng titan tại các mỏ: Cây Châm, Hữu Sào, Làng Bầu, Cẩm Ước Làng Cả, Sơn Đầu, Làng Cam, Làng Lân, Hái Hoa, Tồn Dênh, Xóm Him. Dự kiến tổng sản lượng tinh quặng ilmenit đạt 212.000 tấn/năm giai đoạn 2016-2020 để cung cấp nguyên liệu cho sản xuất: bột màu dioxit Titan, Xi Titan và nhu cầu chế biến trong nước.

3. Quy hoạch chế biến và sử dụng quặng sắt, quặng titan

3.1. Đối với quặng sắt

- Các cơ sở chế biến của công ty gang thép Thái Nguyên: (Thực hiện theo dự án đầu tư).

- Đối với các mỏ có trữ lượng nhỏ, ở phân tán thì khâu chế biến (tuyển rửa và phân loại) được bố trí ngay sau khâu khai thác của mỏ. Dự kiến vốn đầu tư cho một chuyên chế biến quặng sắt loại nhỏ khoảng 500 triệu đồng.

- Đối với các mỏ nằm tập trung, trữ lượng trên 1 triệu tấn, tính chất quặng giống nhau có thể xây dựng khâu chế biến chung. Dự kiến vốn đầu tư cho một chuyên chế biến quặng sắt loại vừa khoảng 3 tỷ đồng.

Đầu tư các lò cao luyện gang cỡ nhỏ dung tích 22-75m³ trong tỉnh để sử dụng quặng sắt giai đoạn 2007-2010: 3-4 lò; giai đoạn 2011-2015: 2-3 lò; giai đoạn 2016-2020: 1-2 lò.

3.2. Đối với quặng titan

Dự kiến sản phẩm chế biến sâu là: Bột màu dioxit Titan với sản lượng 20.000 tấn/năm sau đó mở rộng nâng công suất lên 40.000 tấn/năm và Xi Titan (85% TiO_2) công suất ban đầu tối thiểu là 5.000-10.000 tấn/năm, sau đó tăng lên 20.000 tấn/năm

- Cuối năm 2007, Công ty TNHH NN MTV kim loại màu Thái Nguyên tiến hành lập DAĐT nhà máy bột màu dioxit titan và một xưởng luyện Xi Titan (85% TiO_2) để cuối năm 2008 có thể chạy thử và đầu năm 2009 đưa vào sản xuất:

+ Xưởng luyện Xi Titan (85% TiO_2) công suất ban đầu tối thiểu là 10.000 tấn/năm, sau đó tăng lên 20.000 tấn/năm (giai đoạn 2011-2020).

4. Khu vực đấu thầu hoạt động khoáng sản

4.1. Đối với quặng sắt

Khu vực đấu thầu thăm dò, khai thác quặng sắt bao gồm các khu vực sau:

- Khu vực đã được điều tra, đánh giá khoáng sản bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước được Thủ tướng chính phủ phê duyệt là khu vực đấu thầu thăm dò; Trong quy hoạch này đưa vào đấu thầu thăm dò giai đoạn 2007-2010 các khu vực sau: Mỏ Bờ Đậu, Sơn Cẩm, Đồng Vung, Đồng Luông, Đồng Dong, Núi Tỉ Anh, Cổ Ngọa.

- Mỏ khoáng sản đã được thăm dò bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước được Thủ tướng chính phủ phê duyệt là khu vực đấu thầu khai thác; Trong quy hoạch này đưa vào đấu thầu khai thác giai đoạn 2007-2010 các khu vực sau: Mỏ Hoan, Mỏ Tương Lai, Ngòi Me, Hoá Trung, Linh Nham, Đá Liền, Cù Vân.

4.2. Đối với quặng titan

Khu vực đấu thầu thăm dò giai đoạn 2011-2015 gồm các khu vực sau: Mỏ Tôn Dênh, Hái Hoa, Xóm Him.

5. Vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư cho cả giai đoạn 2006-2020: 2.293 tỷ đồng chia ra:

- Vốn đầu tư cho công tác thăm dò quặng sắt và quặng titan: 55 tỷ đồng

- Vốn đầu tư cho hoạt động khai thác quặng sắt và quặng titan: 544 tỷ đồng.



Vốn đầu tư cho hoạt động chế biến và sử dụng quặng sắt và quặng titan:
1.694 tỷ đồng.

III. NHỮNG GIẢI PHÁP LỚN

1. Giải pháp về hạ tầng cơ sở

- Cần phải gắn quy hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp khai thác và chế biến quặng sắt, quặng titan trên địa bàn tỉnh với quy hoạch các ngành có liên quan của tỉnh.

- Tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng hiện có phục vụ cho công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác và chế biến.

2. Giải pháp về vốn

Huy động từ các nguồn vốn: Ngân sách nhà nước (bao gồm cả ODA); vay tín dụng; vốn: tư nhân, hỗn hợp, cổ phần, FDI...trong đó chủ yếu là vốn doanh nghiệp.

- Kêu gọi các nguồn vốn đầu tư của mọi thành phần kinh tế trong, ngoài nước.

- Lựa chọn phương án đầu tư hợp lý, có trọng điểm vào các mỏ phù hợp với quy hoạch này và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản. Thu hút cán bộ, công nhân có chuyên môn, kỹ thuật cao.

- Ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương, lao động của các hộ bị ảnh hưởng và các hộ trong diện di dời tái định cư bởi hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản.

- Hỗ trợ đào tạo nghề ngắn hạn cho công nhân trong ngành khai thác, chế biến khoáng sản theo qui chế hiện hành của tỉnh.

4. Giải pháp về kỹ thuật và công nghệ

4.1. Đối với quặng sắt

- Khai thác và tuyển rửa chủ yếu sử dụng công nghệ và thiết bị trong nước, chỉ nhập một số thiết bị nước ngoài có chất lượng nổi trội hẳn và đặc thù riêng đối với quặng sắt.

- Đánh giá lại trình độ công nghệ các mỏ đã và đang tiến hành khai thác, chế biến để có phương án đầu tư mới hoặc cải tạo nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Đối với các loại quặng nhỏ, quặng bùn sử dụng công nghệ thiêu kết đóng bánh, vè viên...để tận dụng tối đa giá trị tài nguyên.

4.2. Đối với quặng titan

- Chỉ nhập khẩu một số thiết bị công nghiệp có chất lượng nổi trội và đặc thù riêng. Công nghệ phải gắn với giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Nếu công nghệ luyện xỉ titan trong nước đạt yêu cầu cho áp dụng. Nếu không đạt phải nhập khẩu công nghệ từ nước ngoài.

5. Giải pháp bảo vệ môi trường và sinh thái

- Các dự án khai thác và chế biến quặng sắt, quặng titan phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm và triệt để các giải pháp bảo vệ môi trường từ khâu lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện dự án khai thác, chế biến khoáng sản.

- Thực hiện đề án bảo vệ môi trường thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH của tỉnh.

6. Giải pháp quản lý Nhà nước về tài nguyên, khoáng sản

- Thực hiện nghiêm túc Kết luận số 96-TB/TU ngày 23/8/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ

- Thực hiện nghiêm túc qui hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng sắt, quặng titan trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Đề án quản lý Nhà nước về tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2006-2010. Mọi hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh phải xuất phát từ qui hoạch, kế hoạch.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hoạt động khoáng sản

- Xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung văn bản qui phạm pháp luật về hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo đúng qui định của pháp luật.

- Đề cao vai trò tham mưu và trách nhiệm đề xuất, thẩm định của Sở Công nghiệp, Sở Tài nguyên và Môi trường trong quản lý hoạt động khoáng sản. Tăng cường sự phối hợp quản lý của các ngành, các cấp về tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác.

- Các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản muốn được cấp giấy phép hoạt động khoáng sản phải có năng lực tài chính, có trình độ công nghệ tiên tiến, có đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý chuyên ngành được đào tạo cơ bản và có kinh nghiệm trong hoạt động khoáng sản, có dự án đầu tư khả thi, hiệu quả được thẩm định và phê duyệt theo qui định của pháp luật; Thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ, trách nhiệm bảo vệ môi trường, có cam kết quỹ bảo vệ môi trường và các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, ký cam kết lập quỹ bảo vệ môi trường, thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ đối với địa phương. Không cấp giấy phép hoạt động khoáng sản cho tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện và năng lực. Công bố công khai các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

- Việc lập dự án đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; lập thiết kế cơ sở và thiết kế mỏ phải do các đơn vị tư vấn chuyên ngành có đủ kinh nghiệm và điều kiện hoạt động xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Thanh tra, kiểm tra các hoạt động khoáng sản, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động khoáng sản. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo quản lý tài nguyên khoáng sản tỉnh. Xác định rõ vai trò trách nhiệm của các đội quản lý liên ngành về khoáng sản.

- Tăng cường biên chế và cơ cấu tổ chức, trang bị điều kiện làm việc cho hệ thống quản lý Nhà nước về các hoạt động khoáng sản đến cấp huyện.

HĐND TỈNH THÁI NGUYÊN